

Số: /BC-CTK

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc
tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2023

Chín tháng đầu năm 2023, kinh tế toàn cầu vẫn gặp nhiều khó khăn, nhiều quốc gia đối mặt với suy giảm tăng trưởng. Tại thời điểm tháng 9/2023, các tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 ở mức 2,5% đến 3,2%¹, mặc dù tăng nhẹ so với dự báo từ tháng 5 nhưng vẫn thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng năm 2022. Đối với Việt Nam, nền kinh tế tiếp tục đối mặt những khó khăn, thách thức đan xen. Các tổ chức quốc tế đều giảm dự báo tăng trưởng so với các báo cáo trước đây². Nền kinh tế đang trong giai đoạn phát triển, đang trong quá trình chuyển đổi, có độ mở lớn, quy mô còn khiêm tốn, sức chống chịu, năng lực cạnh tranh còn hạn chế, năng suất lao động chưa cao nên chịu tác động mạnh từ bên ngoài trên nhiều lĩnh vực.

Trước tình hình kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết liệt chỉ đạo tập trung bám sát các Chỉ thị, Nghị quyết, Chương trình và sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Nhiều giải pháp đã được tích cực triển khai thực hiện như: thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; giảm mặt bằng lãi suất cho vay; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất, hỗ trợ doanh nghiệp kịp thời tháo gỡ điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy tăng trưởng. Tuy nhiên, những khó khăn của kinh tế thế giới đã tác động rõ rệt, hiện hữu và ảnh hưởng xấu đến kinh tế của tỉnh, đặc biệt là các ngành công nghiệp trong 9 tháng đầu năm 2023. Tăng trưởng với xu hướng giảm từ quý IV/2022, tiếp đà giảm mạnh trong 6 tháng đầu năm. Sang quý III, các chỉ tiêu kinh tế dù đã có sự khởi sắc và phục hồi nhưng tốc độ phục hồi chậm. Kết quả ở các ngành, lĩnh vực cụ thể như sau:

¹ Liên minh châu Âu (EU) dự báo tăng trưởng 3,2% (tăng 0,1 điểm%), Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) dự báo 3% (tăng 0,3 điểm %), Fitch Ratings (FR) dự báo 2,5% (tăng 0,1 điểm %), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo 3% (tăng 0,2 điểm %); Ngân hàng Thế giới (WB)¹ dự báo 2,1% (tăng 0,4 điểm %)

² Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự báo tăng trưởng năm 2023 của Việt Nam đạt 5,8%, điều chỉnh giảm 0,7 điểm phần trăm so với dự báo tháng 4/2023; OECD dự báo đạt 4,9%, điều chỉnh giảm 1,5 điểm phần trăm so với dự báo tháng 3/2023. WB và IMF dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng 4,7% năm 2023, điều chỉnh giảm lần lượt 1,3 điểm phần trăm so với dự báo tháng 6/2023 và 1,1 điểm phần trăm do với dự báo tháng 4/2023.

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

Sản xuất nông nghiệp 9 tháng đầu năm đã ghi nhận sự phát triển tích cực. Trong trồng trọt, vụ lúa xuân có năng suất và sản lượng cao hơn so với năm trước; vụ lúa mùa cũng đạt được kết quả tốt, được xem là một vụ mùa thành công. Trong chăn nuôi, mặc dù vẫn tồn tại các khó khăn như sản xuất nhỏ lẻ và biến động giá thức ăn, giá lợn 5 tháng đầu năm ở mức thấp tuy nhiên các sản phẩm chăn nuôi chủ yếu như thịt lợn, thịt gia cầm, sữa bò tươi và trứng gà đều tăng.

1.1. Sản xuất nông nghiệp

a. Trồng trọt:

Lúa xuân: Mặc dù thời tiết bất thường trong vụ xuân năm 2023 gây thiếu nước và ảnh hưởng đến cây lúa, năng suất và sản lượng vẫn tăng so với cùng kỳ năm trước. Diện tích gieo trồng đạt 28.986,5 ha, vượt 101,71% so với kế hoạch nhưng giảm 1,21% so với năm trước. Năng suất gieo trồng đạt 61,5 tạ/ha, tăng 20,12%; sản lượng đạt 178.270,79 tấn, tăng 18,66% so với vụ xuân năm 2022.

Lúa mùa: Diện tích gieo trồng tiếp tục xu hướng giảm, đạt 23.549 ha, giảm 0,79% so với năm trước. Hiện tại, tỉnh đã thu hoạch gần 35% diện tích lúa mùa, với năng suất ước đạt 56,7 tạ/ha và sản lượng ước đạt 133.511,3 tấn, được coi là một vụ mùa thành công nhất trong những năm gần đây.

Ở nhóm cây hàng năm khác: Diện tích gieo trồng cây hàng năm các loại ước đạt 84.378 ha, giảm 1,5% so với cùng kỳ. Diện tích gieo trồng của hầu hết các loại cây hoa màu đều giảm so với cùng kỳ năm trước do thời tiết không thuận lợi, nhiều vùng bị ngập úng, cùng với đó là hiệu quả kinh tế từ các loại cây như ngô, khoai lang, lạc không cao nên bà con thu hẹp sản xuất các loại cây này. Sản lượng một số các loại cây: Ngô giảm 0,02%; khoai lang giảm 0,62%; đậu tương giảm 12,8%; lạc tăng 1,62%; rau các loại tăng 13,36%.

Cây lâu năm: 9 tháng đầu năm 2023, sản xuất cây lâu năm của tỉnh duy trì ổn định với diện tích hiện có ước đạt 8.299,4 ha, giảm 1,49% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích cây lâu năm giảm chủ yếu do hiệu quả kinh tế chưa cao, giá bán sản phẩm thấp và thiếu thị trường tiêu thụ ổn định nên người dân giảm gieo trồng. Trong tổng diện tích trồng cây lâu năm của tỉnh, cây ăn quả tiếp tục là nhóm cây lâu năm chủ lực với 7.751,0 ha, chiếm 94,19%. Ước tính sản lượng một số cây ăn quả chính có thu sản phẩm trong 9 tháng đầu năm như sau: Cây xoài ước đạt 6.321,8 tấn, tăng 1,57%; chuối đạt 47.319,2 tấn, tăng 2,44%; thanh long đạt 2.319, tăng 1,71%; dứa đạt 2.256,2 tấn, giảm 5,36%; bưởi đạt 4.130 tấn, tăng 2,05%; vải đạt 10.390,7 tấn, tăng 1,17%...

b. Chăn nuôi: Ngành chăn nuôi đã có sự phát triển với việc áp dụng giống vật nuôi mới với nhiều tiến bộ kỹ thuật và quy trình an toàn sinh học. Các sản phẩm chăn nuôi chủ yếu như thịt lợn, thịt gia cầm, sữa bò tươi và trứng gà đều tăng. Mặc dù có sự phát triển, ngành vẫn phải đối mặt với những thách thức như sản xuất còn nhỏ lẻ, giá thức ăn tăng cao và giá bán một số sản phẩm không ổn định. Đặc biệt, trong chăn nuôi lợn, giá lợn hơi xuất chuồng suốt 5 tháng đầu năm duy trì ở mức thấp, bình quân dao động trong khoảng từ 49.000 - 52.000 đồng/kg, người chăn nuôi bị lỗ, việc tái đàn và mở rộng quy mô sản xuất gặp khó khăn. Từ cuối tháng 5 đến tháng 7 giá lợn mới tăng và ổn định ở mức 58.000 – 60.000, người chăn nuôi đã có lãi.

Số lượng đầu gia súc, gia cầm ước tính thời điểm 30/9/2023: Đàn trâu đạt 16.260 con, giảm 3,5% so với cùng thời điểm năm trước; đàn bò đạt 92.850 con, giảm 3,58%; đàn lợn (không bao gồm lợn con theo mẹ) đạt 488.700 con, tăng 0,56%; đàn gia cầm 11.935 nghìn con, giảm 2,43%.

Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng 9 tháng đầu năm 2023 ước đạt 98.483 tấn, tăng 2,95% so với cùng kỳ. Ngoài sản lượng thịt trâu, bò hơi giảm 3,36%, các sản phẩm chăn nuôi khác đều tăng khá so với cùng kỳ: thịt lợn hơi đạt 62.743 tấn, tăng 3,19%; thịt gia cầm đạt 30.643 tấn, tăng 3,58%; sản lượng trứng gia cầm đạt 550.186 nghìn quả, tăng 10,14%; sữa bò tươi đạt 44.550 tấn, tăng 7,35%.

1.2. Sản xuất lâm nghiệp

Sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn nhìn chung ổn định, diện tích rừng trồng mới tập trung và sản lượng gỗ khai thác tăng so với cùng kỳ. Kết quả sản xuất 9 tháng đầu năm: Diện tích rừng trồng mới tập trung trong tháng 660 ha, đạt 94,23% kế hoạch năm 2023 và tăng 1,71% so với cùng kỳ; riêng số cây trồng phân tán ước đạt 722,4 nghìn cây, tăng 15,62% so với năm trước và đạt 82,56% so với Kế hoạch đã điều chỉnh của năm. Sản lượng gỗ khai thác ước đạt 34.724,0 m³, tăng 2,93%; sản lượng củi khai thác ước đạt 36.401,0 ste, tăng 0,19% so cùng kỳ năm 2022.

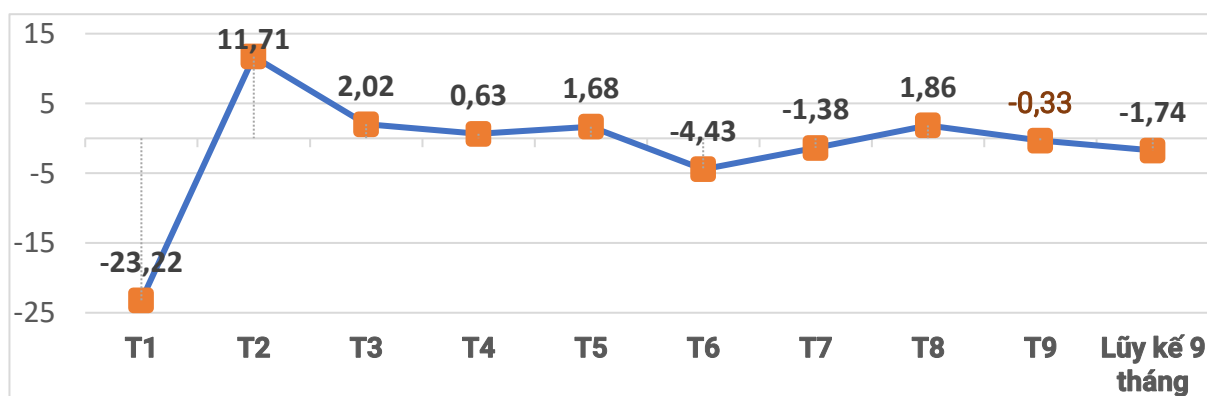
1.3. Sản xuất thủy sản

Sản xuất thủy sản 9 tháng đầu năm 2023 phát triển khá. Công tác phòng chống dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản được thực hiện hiệu quả nên không có dịch bệnh xảy ra, các loại thủy sản nuôi trồng đều phát triển tốt. Các giống cá chủ lực cho năng suất và giá trị cao tiếp tục được duy trì nuôi ở nhiều địa phương. Kết quả sản xuất thủy sản 9 tháng đầu năm: Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 18.439 tấn, tăng 3,32% so cùng kỳ; trong đó, sản lượng khai thác nội địa ước đạt 1.415 tấn, tăng 1,12%; sản lượng nuôi trồng ước đạt 17,03 nghìn tấn, tăng 3,51% so với cùng kỳ. Sản lượng con giống sản xuất ước đạt 2.962 triệu con, tăng 1,4%.

2. Sản xuất công nghiệp

Trong 6 tháng đầu năm 2023, hoạt động sản xuất công nghiệp tại Vĩnh Phúc và cả nước gặp nhiều khó khăn và thách thức do tình hình kinh tế và chính trị thế giới phức tạp. Lạm phát toàn cầu tăng cao, đặc biệt tại các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản, đã làm suy giảm nhu cầu tiêu dùng, ảnh hưởng đến các ngành công nghiệp chính của tỉnh, như sản xuất quần áo, giày dép, máy móc thiết bị và sản phẩm điện tử. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) 6 tháng đầu năm 2023 giảm 2,70% so với cùng kỳ năm trước. Sang quý III, dù đã có sự khởi sắc và phục hồi kinh tế trong nước và thế giới, nhưng tốc độ phục hồi còn chậm và ngành công nghiệp vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, đặc biệt là về nguồn vốn, thị trường xuất khẩu và đơn hàng. Tỉnh Vĩnh Phúc đã triển khai nhiều biện pháp như tập trung thực hiện các chỉ thị và nghị quyết của Chính phủ, cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh, tuy nhiên, sự phục hồi vẫn chưa đạt như kỳ vọng. Sản xuất công nghiệp trong quý III đã tăng so với quý trước và so với cùng kỳ, nhưng mức tăng vẫn khá thấp, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp chỉ tăng 2,9% so với quý trước và tăng 0,06% so với cùng kỳ. Sau 9 tháng năm 2023, IIP vẫn giảm 1,74% so với cùng kỳ.

Tốc độ tăng/giảm IIP tháng so với cùng kỳ (%)



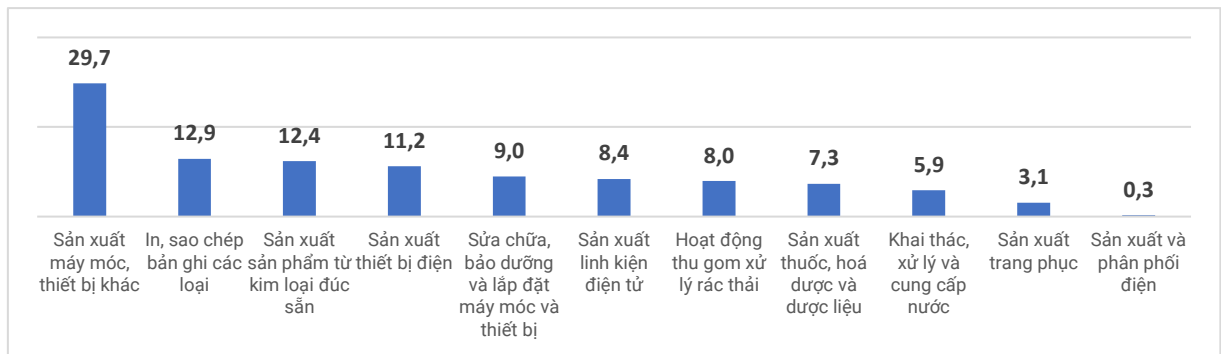
Tháng 9/2023, IIP ước tính tăng 4,95% so với tháng trước và giảm 0,33% so với cùng kỳ. So với cùng kỳ, ngành Khai khoáng tăng 14,73%, ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,35%, ngành Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 1,80%, ngành Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,33%.

Tính chung 9 tháng đầu năm, ước tính IIP giảm 1,74% so với cùng kỳ (9 tháng đầu năm 2022 tăng 15,37% so với cùng kỳ năm 2021). Trong các ngành công nghiệp cấp II: Ngành sản xuất da và các sản phẩm liên quan ghi nhận giảm 17,28% do nhu cầu tiêu thụ thấp, lạm phát cao, người dân hạn chế mua sắm các mặt hàng không thiết yếu; Ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại và ngành sản xuất kim loại cũng giảm 20,00% và 10,98% tương ứng do người dân

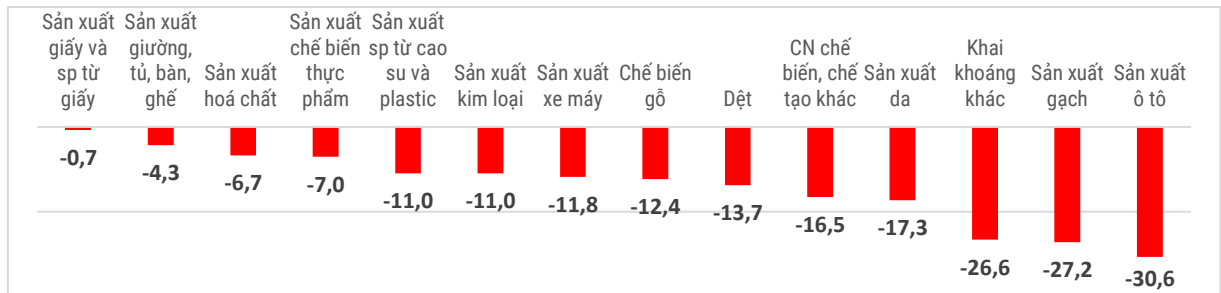
hạn chế đầu tư xây dựng nhà ở và thị trường bất động sản chưa phục hồi; Ngành sản xuất xe có động cơ và sản xuất phương tiện vận tải chưa phục hồi dù có các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ, IIP ghi nhận giảm lần lượt 30,64% và 11,80% nguyên nhân do kinh tế khó khăn và lãi suất cao trong khi đó các dòng xe nhập khẩu, xe động cơ điện liên tục giảm giá để cạnh tranh với xe sản xuất trong nước, ảnh hưởng đến thị phần của các doanh nghiệp trong ngành.

Riêng ngành sản xuất linh kiện điện tử vẫn ghi nhận sự tăng trưởng tuy nhiên chỉ tăng 8,41%, là mức tăng thấp nhất của 9 tháng trong giai đoạn 2019 - 2023³. Mức tăng thấp hơn do nhu cầu tiêu dùng suy giảm, lượng hàng tồn kho cao. Một số hãng công nghệ lớn như SamSung, Apple, Dell phải cắt giảm sản lượng, giảm lượng đơn đặt hàng từ các nhà cung cấp.

Các ngành cấp 2 có IIP 9 tháng đầu năm 2023 tăng so cùng kỳ (%)



Các ngành cấp 2 có IIP 9 tháng đầu năm 2023 giảm so cùng kỳ (%)



Sản lượng sản xuất một số sản phẩm: Tháng 9/2023, ngoài doanh thu linh kiện điện tử, thức ăn gia súc và xe ô tô các loại có sản lượng tăng so với cùng kỳ năm trước, các sản phẩm chủ yếu còn lại đều giảm; trong đó, giảm mạnh nhất là sản phẩm gạch ốp lát với mức giảm 25,42%.

Tính chung 9 tháng đầu năm, hầu hết sản lượng sản phẩm công nghiệp chủ yếu của tỉnh như thức ăn gia súc, giày thể thao, gạch ốp lát, xe ô tô các loại, xe

³ IIP 9 tháng ngành 26 giai đoạn 2019 - 2023 lần lượt là: 151,87%; 122,06%; 124,72%; 120,29%; 108,41%.

máy các loại đều giảm so với cùng kỳ; riêng doanh thu linh kiện điện tử tăng nhưng mức tăng có xu hướng chậm lại, chỉ đạt 8,41%.

**Biểu 1. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu
tháng Chín và 9 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn**

Sản phẩm	Đơn vị tính	Sản lượng		Tốc độ tăng (+)/giảm (-) so với cùng kỳ (%)	
		Tháng 9 năm 2023	9 tháng năm 2023	Tháng 9 năm 2023	9 tháng năm 2023
1. Thức ăn gia súc	Tấn	24.000	202.539	+4,84	-7,01
2. Giày thể thao	Nghìn đôi	957,7	8.587,9	-19,40	-17,28
3. Gạch ốp lát	Nghìn m ²	6.876,2	64.640,5	-25,42	-27,16
4. Xe ô tô các loại	Chiếc	3.185	28.296	+0,31	-30,83
5. Xe máy các loại	Chiếc	134.415	1.168.908	-3,52	-9,38
6. Doanh thu dịch vụ sản xuất linh kiện điện tử	Tỷ đồng	21.538,8	162.931,9	+3,86	+8,41

Chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tháng 09/2023 tăng 3,52% so với tháng trước và tăng 3,02% so với cùng kỳ. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ, song các doanh nghiệp đã nỗ lực thực hiện các giải pháp để ổn định sản xuất, tìm kiếm đơn hàng, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng tăng 9,03% so với tháng trước và tăng 2,68% so với cùng kỳ năm trước. So với tháng trước, 11 ngành công nghiệp cấp II có chỉ số tiêu thụ tăng với một số ngành tăng khá là: Ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 40,24%; ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 10,34%; ngành sản xuất thiết bị điện tăng 19,63%; ngành sản xuất xe có động cơ tăng 18,23%; ngành sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 12,06%. 07 ngành còn lại có chỉ số tiêu thụ giảm, giảm mạnh nhất là ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan và ngành sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic với mức giảm lần lượt là 15,47% và 10,67%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Tháng 9/2023, chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 4,03% so với tháng trước và tăng 24,68% so với cùng kỳ. Các ngành có chỉ số tồn kho giảm đáng kể là ngành sản xuất trang phục giảm 12,06%; ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ

giấy giảm 23,94% và ngành sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 12,26%. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao là: Ngành dệt tăng 50,95%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 24,53%; ngành sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 11,98%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 45,43%.

3. Hoạt động của doanh nghiệp

3.1. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tính đến ngày 15/9/2023, toàn tỉnh có 1.110 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 8.797 tỷ đồng, dự kiến giải quyết việc làm cho 7.103 lao động, tăng 11,11% về số doanh nghiệp, tăng 25,96% số lao động nhưng giảm 54,53% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước do cùng kỳ năm 2022 có 01 công ty đăng ký thành lập với số vốn đăng ký lớn, lên tới 9.900 tỷ đồng.

Một số ngành có số lượng doanh nghiệp tăng cao so với cùng kỳ: Ngành nghệ thuật, vui chơi và giải trí; ngành giáo dục đều tăng gấp 2 lần; ngành vận tải kho bãi tăng 43,18%... Xét về cơ cấu số lượng doanh nghiệp thành lập mới, tập trung chủ yếu ở ngành bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác với 377 doanh nghiệp, chiếm 33,96%, tăng 15,29%; ngành công nghiệp chế biến chế tạo với 204 doanh nghiệp, chiếm 18,38%, tăng 0,49%; ngành xây dựng với 179 doanh nghiệp, chiếm 16,13%, tăng 28,78% so với cùng kỳ năm trước;...

Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 296 doanh nghiệp, giảm 12,94% so với cùng kỳ, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động lên 1.406 doanh nghiệp (trung bình mỗi tháng có 156 doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động).

Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tiếp tục có chiều hướng gia tăng. Số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể trong kỳ là 741 doanh nghiệp, tăng 36,21% so với cùng kỳ, bao gồm: 635 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 31,74%; 106 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 70,97% so với cùng kỳ. Trung bình mỗi tháng có 82 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

3.2. Xu hướng SXKD ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý II cho thấy: Có 61,5% DN ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh quý III khả quan hơn so với quý II (28,6% nhận định tốt hơn và 32,9% giữ ổn định), 38,5% DN đánh giá

khó khăn hơn⁴. Dự báo về tình hình sản xuất kinh doanh trong quý IV, 47,3% số DN đánh giá tốt hơn, 34,1% nhận định giữ mức ổn định và 18,6% đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ gặp khó khăn hơn quý III.

Hình 5. Cơ cấu doanh nghiệp phân theo mức độ đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong quý II/2023



Trong quý III, yếu tố “nhu cầu thị trường trong nước thấp” tiếp tục được nhận định có ảnh hưởng nhiều nhất đến sản xuất kinh doanh (SXKD) của các DN với 56% DN lựa chọn, đây cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến SXKD của DN trong 5 năm gần đây. Bên cạnh đó, yếu tố “tính cạnh tranh của hàng trong nước cao” và “nhu cầu thị trường quốc tế thấp” cũng là 02 yếu tố ảnh hưởng nhiều tới hoạt động SXKD của DN trong quý III với tỉ lệ các DN lựa chọn lần lượt là 45,1% và 37,4%.

4. Thương mại, dịch vụ

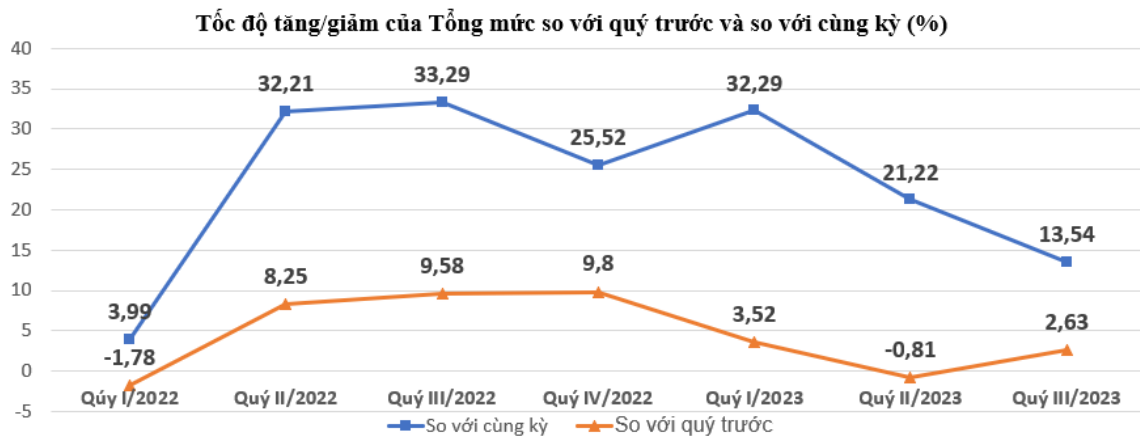
Hoạt động thương mại và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong 9 tháng đầu năm diễn ra sôi động; nhu cầu về đi lại du xuân, du lịch, ăn uống ngoài gia đình của người dân tăng khá so với cùng kỳ năm 2022; nhiều lễ hội được tổ chức với quy mô lớn, thu hút đông đảo du khách thăm quan. Trong 6 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng cao với mức tăng 26,54%. Tuy nhiên, sang quý III mức tăng có dấu hiệu chững lại, với tốc độ tăng 13,54% so với cùng kỳ. Đây là mức tăng thấp nhất kể từ quý II/2022, cho thấy sự chậm lại của sức mua trong nền kinh tế.

4.1. Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

⁴ Chỉ số tương ứng của quý II/2023: 58,94% DN đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh tốt lên và giữ ổn định (25,26% tốt lên và 33,68% giữ ổn định), 41,06% DN đánh giá khó khăn hơn.

Tháng 9/2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 6.806,5 tỷ đồng tăng 1,70% so với tháng trước và tăng 9,78% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 5.789,3 tỷ đồng, chiếm 85,06% tổng mức, tăng 1,94% so với tháng trước và tăng 9,06% so với cùng kỳ. Trong kỳ có dịp nghỉ lễ 02/9 kéo dài 4 ngày, dịp Tết Trung thu và chuẩn bị bước năm học mới 2023 - 2024 nên nhu cầu mua sắm hàng hóa của người dân gia tăng. Hầu hết các nhóm ngành hàng bán lẻ đều có doanh thu trong 9 tháng đầu năm 2023 tăng so với cùng kỳ. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 615,1 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,53% so với tháng trước và tăng 15,05% so với cùng kỳ. Doanh thu các ngành dịch vụ tiêu dùng khác ước đạt 402,1 tỷ đồng tăng 1,65% so với tháng trước và tăng 12,59% so với cùng kỳ.

Quý III, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng có xu hướng giảm dần, cho thấy sức mua đang chậm lại, ước đạt 20.231 tỷ đồng, tăng 2,63% so với quý trước và tăng 13,54% so với cùng kỳ (quý I/2023 tăng 32,29%; quý II/2023 tăng 21,22%), tăng thấp nhất kể từ quý II/2022 là thời điểm phục hồi sau dịch Covid. Tính chung 9 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 59.818 tỷ đồng, tăng 21,82% so với cùng kỳ; trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 50.943 tỷ đồng, tăng 18,87%, doanh thu các ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 5.389 tỷ đồng, tăng 57,45%, doanh thu các ngành dịch vụ tiêu dùng khác ước đạt 3.487 tỷ đồng, tăng 23,44%.



4.2. Vận tải hành khách và hàng hoá

Tháng 9/2023, doanh thu hoạt động giao thông vận tải trên địa bàn ước tính đạt 551,37 tỷ đồng, tăng 3,78% so với tháng trước và 21,20% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu vận tải hành khách ước đạt 88,72 tỷ đồng, tăng 1,57% so với tháng trước và tăng 3,45% so với cùng kỳ; vận tải hàng hóa ước đạt 429,75 tỷ đồng, tăng lần lượt là 4,25% và 25,73%.

Chín tháng đầu năm, doanh thu hoạt động vận tải ước đạt 4.421 tỷ đồng, tăng 17,69% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu vận tải hành khách đạt 791,3 tỷ đồng, tăng 22,45%; doanh thu vận tải hàng hóa đạt 3.376 tỷ đồng, tăng 17,13% so với cùng kỳ. Tổng khối lượng luân chuyển hành khách ước đạt 1.044.768 nghìn HK.km, tăng 21,83%; tổng khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 2.926.503 nghìn tấn.km, tăng 40,15% so với cùng kỳ.

II. ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ

1. Tình hình thu, chi ngân sách nhà nước

Chín tháng đầu năm 2023, sự tác động từ những khó khăn chung của kinh tế trong và ngoài nước làm cho kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giảm sút. Điều đó đã kéo theo thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh giảm. Theo số liệu của Kho bạc Nhà nước, tính đến 15/9/2023, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 18.167 tỷ đồng, giảm 27,40% so với cùng kỳ, bằng 56,19% dự toán giao đầu năm. Giảm chủ yếu ở một số nguồn thu chủ lực như thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, thu hải quan do khó khăn trong hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp và tác động của các chính sách giảm, giãn thu của Nhà nước mới ban hành. Cụ thể: Thu nội địa đạt 14.726 tỷ đồng, giảm 27,32%, trong đó, thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đạt 10.438 tỷ đồng, chiếm 57,46% tổng thu ngân sách trên địa bàn, giảm 26,92%, giảm sâu ở thuế tiêu thụ đặc biệt khu vực doanh nghiệp nước ngoài (đạt 5.039 tỷ đồng, giảm 41,41%). Thu từ Hải quan đạt 3.411 tỷ đồng, giảm 28,06% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng chi ngân sách Nhà nước đến ngày 15/9/2023 đạt 18.058 tỷ đồng, tăng 14,81% so với cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển (bao gồm cả tạm ứng) đạt 10.364 tỷ đồng, tăng 18%; chi thường xuyên đạt 7.629 tỷ đồng, tăng 10,40% so với cùng kỳ. Nhìn chung, công tác quản lý chi ngân sách đã được tăng cường, kiểm soát chi chặt chẽ, quản lý chi theo dự toán, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhưng vẫn bảo đảm các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Hoạt động ngân hàng, tín dụng

Tháng 9/2023, mặc dù mặt bằng lãi suất huy động và cho vay trên địa bàn duy trì xu hướng giảm dần so với cuối năm 2022 (giảm khoảng 1%/năm), tuy nhiên sức hấp thụ vốn của nền kinh tế còn thấp. Sau thời gian dài kinh tế gặp khó khăn, mức độ rủi ro bị đánh giá cao hơn, trong khi hoạt động của doanh nghiệp khó chứng minh hiệu quả bởi phần lớn là các doanh nghiệp có quy mô vốn nhỏ, năng lực tài chính, quản trị điều hành còn hạn chế, do đó các tổ chức tín dụng gặp nhiều khó khăn trong việc đưa ra quyết định cho vay đối với các đối tượng này.

Lãi suất cho vay trên địa bàn phổ biến từ 4-11%/năm đối với từng kỳ hạn và đối tượng; lãi suất huy động bằng VNĐ phổ biến từ 0,2-7,5%/năm đối với từng kỳ hạn.

Tổng nguồn vốn huy động dự kiến đến 30/9/2023 đạt 115.000 tỷ đồng, tăng 4,95% so với cuối năm 2022. Tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn khiến các doanh nghiệp không còn nguồn tiền nhàn rỗi, các doanh nghiệp nước ngoài thực hiện quyết toán, chuyển lợi nhuận về nước làm cho nguồn vốn huy động từ nguồn này không ổn định và có xu hướng giảm trong những tháng gần đây (ước đạt 35.000 tỷ đồng, giảm 13,14% so với cuối năm 2022). Tuy nhiên, trong cơ cấu huy động, tiền gửi dân cư vẫn tăng trưởng ổn định (ước đạt 80.000 tỷ đồng) tăng 15,47% so với cuối năm 2022, chiếm 69,57% tổng nguồn vốn huy động. Cho thấy gửi tiết kiệm ngân hàng là kênh đầu tư an toàn và có lãi, được người dân tin tưởng lựa chọn.

Tổng dư nợ cho vay ước tính đến 30/9/2023 ước đạt 120.800 tỷ đồng, tăng 4,33% so với cuối năm 2022, chủ yếu ở các khoản vay ngắn hạn, có tính thanh khoản cao. Trong đó, dư nợ cho vay ngắn hạn ước đạt 85.300 tỷ đồng, chiếm 70,61% tổng dư nợ, tăng 2,68%; dư nợ cho vay trung và dài hạn đạt 34.800 tỷ đồng, tăng 8,51% so với cuối năm 2022. Theo đối tượng vay vốn, dư nợ khu vực hộ gia đình, tư nhân, cá thể vẫn chiếm tỷ trọng lớn, ước đạt 68.650 tỷ đồng, chiếm 56,83% tổng dư nợ, khu vực doanh nghiệp ước đạt 52.000 tỷ đồng, chiếm 43,05% tổng dư nợ tăng 6,59% so với cuối năm 2022. Nợ xấu 910 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,75% trên tổng dư nợ.

Tính đến ngày 31/8/2023, chính sách hỗ trợ lãi suất 2% đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh theo Nghị định 31 và Thông tư 03 đã mang lại kết quả khá tích cực. Có tổng cộng 66 khách hàng được hỗ trợ lãi suất, với số tiền hỗ trợ lên đến 26,66 tỷ đồng. Kết quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội của ngân hàng CSXH tỉnh: cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi với số tiền 1,52 tỷ đồng; cho vay học sinh, sinh viên để mua máy tính và thiết bị học trực tuyến đạt 6,98 tỷ đồng; cho vay mua, thuê mua nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP đạt 207,1 tỷ đồng; cho vay cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 với số tiền 4,51 tỷ đồng.

3. Bảo hiểm

Ước tính đến 30/9/2023, toàn tỉnh có 1.152.185 người tham gia bảo hiểm các loại. Trong đó, có 246.415 người tham gia BHXH, chiếm 42,93% lực lượng lao động (bao gồm: BHXH bắt buộc: 229.542 người; BHXH tự nguyện: 17.498 người); tham gia BH thất nghiệp có 221.154 người, chiếm 38,4% lực lượng lao

động; tham gia BHYT có 1.134.687 người, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 94,75% dân số. Tổng số tiền thu bảo hiểm các loại ước đạt 4.732,2 tỷ đồng, đạt 73,1% kế hoạch giao và tăng 21,02% so với cùng kỳ năm 2022. Công tác chi trả, nhất là trả lương hưu và trợ cấp BHXH được thực hiện đồng bộ, nhanh gọn và an toàn đến tận tay đối tượng: Tính chung 9 tháng đầu năm BHXH tỉnh đã giải quyết hưởng BHXH hàng tháng cho 538 người; giải quyết hưởng BHXH một lần cho 10.414 người; giải quyết ốm đau, thai sản, dưỡng sức cho 102.058 lượt người; lập danh sách chi trả cho 10.870 lượt người hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

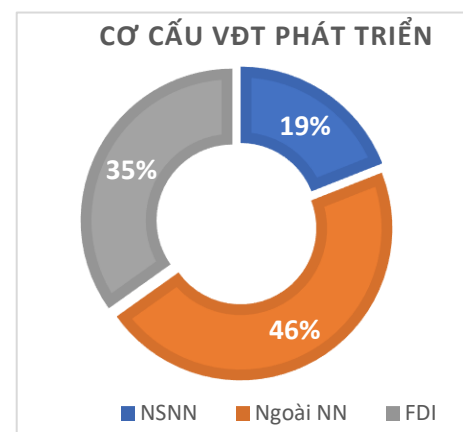
4. Đầu tư và xây dựng

4.1. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý III, 9 tháng đầu năm 2023 có nhiều tích cực, vốn đầu tư khu vực Nhà nước và ngoài Nhà nước duy trì được đà tăng trưởng tốt, cho thấy sự hiệu quả của sự chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp, đặc biệt trong công tác giải ngân vốn đầu tư công. Tuy nhiên, do tác động của suy giảm kinh tế toàn cầu, hoạt động sản xuất khu vực có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh chịu nhiều ảnh hưởng, qua đó làm giảm nguồn vốn đầu tư từ khu vực này.

Quý III năm 2023, vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh ước đạt 13.785 tỷ đồng, tăng 12,37% so với quý trước và tăng 7,39% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn đầu tư khu vực Nhà nước ước đạt 3.153 tỷ đồng, tuy chiếm tỷ trọng nhỏ nhất trong 3 khu vực (chiếm 22,87%) nhưng đây là động lực tăng chính của tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trong quý III với mức tăng 21,61%; vốn đầu tư khu vực ngoài Nhà nước đạt 5.791 tỷ đồng, tăng 6,33%; vốn đầu tư khu vực nước ngoài đạt 4.842 tỷ đồng, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế chín tháng đầu năm tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn tỉnh ước đạt 35.084 tỷ đồng tăng 5,42% so với cùng kỳ. Tăng cao nhất là khu vực vốn đầu tư Nhà nước ước đạt 6.676 tỷ đồng, tăng 15,47%; tiếp theo là khu vực vốn đầu tư của dân cư và tư nhân với mức tăng 8,55% (ước đạt 16.184 tỷ đồng); khu vực vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 12.225 tỷ đồng, giảm 2,90% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù thực hiện vốn đầu tư khu vực Nhà nước tăng cao hơn so với cùng kỳ nhưng vẫn còn thấp so với tổng vốn được giao, nhiều dự án lớn, trọng điểm có tỷ lệ giải ngân thấp, công tác giải phóng mặt bằng còn

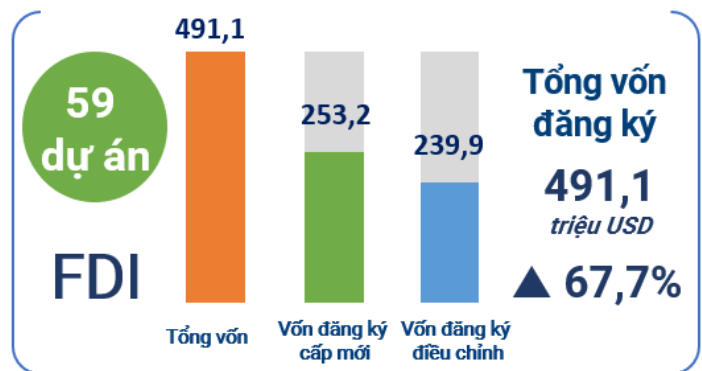


chậm⁵,... đây cũng là thách thức không nhỏ cho việc thực hiện kế hoạch giải ngân đạt 95-100% vốn đầu tư công năm 2023 của tỉnh trong những tháng cuối năm.

Tình hình thu hút đầu tư: Trong bối cảnh tác động của chính sách thuế tối thiểu toàn cầu, cùng với xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng và đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, tỉnh đã tận dụng lợi thế về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng và những chính sách mang tính đột phá để thu hút những nhà đầu tư chiến lược đầu tư vào tỉnh. Hoạt động thu hút đầu tư của tỉnh 9 tháng đầu năm 2023 duy trì được đà tăng, đặc biệt trong quý III có sự tăng mạnh về số dự án và nguồn vốn đăng ký ở cả hai khu vực đầu tư trực tiếp trong nước (DDI) và khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Điều đó cho thấy các nhà đầu tư trong và ngoài nước tiếp tục quan tâm, tin tưởng vào môi trường đầu tư của tỉnh khi vừa quyết định đầu tư mới, vừa tiếp tục tái đầu tư lớn trên địa bàn tỉnh.

Theo số liệu Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, đến ngày 15/9/2023, toàn tỉnh đã thu hút được 22 dự án DDI (10 dự án cấp mới, 12 dự án điều chỉnh vốn) với tổng vốn đăng ký đạt 20.250 tỷ đồng, tăng 106,69%. Số dự án và vốn đăng ký cấp mới giảm so với cùng kỳ do không có nhiều dự án lớn đăng ký (vốn đăng ký cấp mới đạt 3.945 tỷ đồng, giảm 52,42%), song vốn đăng ký điều chỉnh tăng mạnh gấp 10 lần so với cùng kỳ năm trước đạt 16.305 tỷ đồng. Các dự án điều chỉnh tăng vốn chủ yếu thuộc lĩnh vực kinh doanh bất động sản với 12.881 tỷ đồng, chiếm 79% tổng vốn điều chỉnh.

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được 59 dự án (24 dự án cấp mới, 35 dự án điều chỉnh vốn) với tổng vốn đăng ký đạt 491,07 triệu USD, tăng 67,70% so với cùng kỳ. Vốn FDI đăng ký tăng trưởng tốt ở cả vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh tăng vốn với mức tăng lần lượt là 55,86% và 82,46%. Các đối tác đầu tư truyền thống (Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc) vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Đặc biệt đầu tư của các nhà đầu tư Đài Loan tăng mạnh (đạt 138,03 triệu USD, chiếm 28,11% tổng vốn đăng ký), vượt qua Nhật Bản, Hàn Quốc đứng đầu trong các quốc gia, vùng lãnh thổ đăng ký đầu tư trên địa bàn tỉnh trong 9 tháng đầu năm 2023.



4.2. Hoạt động xây dựng

⁵ Diện tích đất đã GPMB 9 tháng đầu năm chỉ đạt 454,4ha/1.107,2ha, bằng 40,89% so với kế hoạch năm. (So với cùng kỳ năm 2022 giảm 340,4ha).

Quý III năm 2023, do biến động của giá vật liệu xây dựng làm tăng chi phí xây dựng⁶, một số công trình, dự án còn gặp vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, quy trình hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư xây dựng còn nhiều bất cập dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện các công trình, dự án. Trước tình hình đó, tỉnh thực hiện nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình/dự án trên địa bàn, nhất là những công trình/dự án trọng điểm; tăng cường kiểm tra, rà soát, quản lý chặt chẽ giá vật liệu xây dựng, chủ động theo dõi diễn biến thị trường nguyên vật liệu xây dựng trong và ngoài nước để kịp thời cập nhật, công bố giá vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật. Nhờ đó, kết quả hoạt động xây dựng trên địa bàn duy trì được sự ổn định và tăng trưởng, giá trị sản xuất xây dựng theo giá hiện hành tăng so với quý trước và cùng kỳ, song mức tăng đang có xu hướng chậm lại do chịu tác động bởi những khó khăn chung của nền kinh tế trong và ngoài nước.

Quý III năm 2023, giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá hiện hành ước đạt 8.847,4 tỷ đồng, tăng 25,82% so với quý trước và tăng 6,98% so với cùng kỳ. Trong đó: Doanh nghiệp ngoài Nhà nước thực hiện 4.028,8 tỷ đồng, tăng 0,36%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện 208,5 tỷ đồng, tăng 10,55%; khu vực xã/phường/thị trấn và hộ dân cư đạt 4.581,8 tỷ đồng, tăng 12,87% so với quý III năm trước. Lũy kế chín tháng đầu năm tổng giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá hiện hành ước đạt 22.294,8 tỷ đồng, tăng 7,33% so với 9 tháng đầu năm 2022. Theo giá so sánh, giá trị sản xuất ngành xây dựng quý III năm nay ước đạt 5.639,3 tỷ đồng, tăng 7,71% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng đầu năm, giá trị sản xuất ngành xây dựng đạt 14.203,8 tỷ đồng, tăng 6,39% so với 9 tháng đầu năm 2022.

5. Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa

Sự tác động khó khăn của tình hình kinh tế thế giới và sự suy giảm của sản xuất công nghiệp đã ảnh hưởng đến tình hình xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Trong lĩnh vực xuất khẩu, theo số liệu báo cáo của Chi cục Hải quan tỉnh Vĩnh Phúc, tính đến ngày 15/9/2023 kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn ước đạt 11.853 triệu USD, tăng 10,49% so với cùng kỳ. Có 6 nhóm hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 100 triệu USD, chiếm 81,7% tổng kim ngạch xuất khẩu. Nhóm hàng điện tử và linh kiện điện tử ghi nhận sự giảm nhẹ 1,83% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng lớn nhất (48,06%) trong kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, cho thấy tình hình khó khăn của ngành công nghiệp điện tử trên

⁶ Mặc dù giá thép đã giảm về mức thấp nhất kể từ cuối năm 2020 nhưng giá các loại nguyên, vật liệu xây dựng khác lại có nhiều biến động và tăng cao so với cùng kỳ, nhất là giá cát, đá, sỏi do việc quản lý tài nguyên khoáng sản được thực hiện chặt chẽ hơn trên phạm vi cả nước.

thế giới và sự giảm nhu cầu tiêu thụ sản phẩm điện tử. Nhóm dệt may và nhóm gỗ và sản phẩm từ gỗ giảm lần lượt 8,63% và 2,48% do suy giảm nhu cầu tiêu thụ các mặt hàng thiết yếu trong tình hình kinh tế chung. Tuy nhiên, một số nhóm hàng khác vẫn ghi nhận có sự gia tăng so với cùng kỳ: Nhóm hàng máy móc, thiết bị và phụ tùng tăng 33,82%; Nhóm hàng xe máy và linh kiện phụ tùng xe máy tăng 7,38%; Nhóm linh kiện, phụ tùng ô tô tăng 30,87%.

Trị giá một số nhóm hàng xuất khẩu 9 tháng đầu năm 2023

	9 tháng năm 2023 (Triệu USD)	So với cùng kỳ năm trước (%)	Tỷ trọng trong kim ngạch xuất khẩu (%)
Hàng điện tử và linh kiện điện tử	5.696,4	98,17	48,06
Máy móc, thiết bị và phụ tùng	2.461,9	133,82	20,77
Xe máy nguyên chiếc, linh kiện, phụ tùng xe máy	838,2	107,38	7,07
Hàng dệt may	369,1	91,37	3,11
Linh kiện, phụ tùng ô tô	213,6	130,87	1,80
Gỗ và sản phẩm từ gỗ	112,5	97,52	0,95

Về kim ngạch nhập khẩu, tính đến ngày 15/9/2023, đạt 10.085 triệu USD, giảm 0,61% so với cùng kỳ. Trong đó: Nhóm hàng điện tử và linh kiện điện tử dự kiến đạt tăng 10,79 % so với cùng kỳ năm trước, chiếm 56,33% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa; Nhóm hàng máy móc, thiết bị và phụ tùng ước tính tăng 1,68%; Nhóm linh kiện phụ tùng ô tô ước và nhóm hàng xe máy và linh kiện phụ tùng xe máy giảm lần lượt 31,86% và 31,08% do các doanh nghiệp trong ngành sản xuất ô tô và xe máy đối mặt với những khó khăn nên phải cắt giảm sản lượng, ảnh hưởng đến nhập khẩu các sản phẩm liên quan đến ngành ô tô và xe máy.

Trị giá một số nhóm hàng nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2023

	9 tháng năm 2023 (Triệu USD)	So với cùng kỳ năm trước (%)	Tỷ trọng trong kim ngạch nhập khẩu (%)
Hàng điện tử và linh kiện	5.681	110,79	56,33
Máy móc, thiết bị và phụ tùng	1.521	101,68	15,08
Linh kiện, phụ tùng ô tô	316	68,14	3,13
Vải các loại	255	93,07	2,53
Xe máy nguyên chiếc, linh kiện, phụ tùng xe máy	103	68,92	1,02

5. Chỉ số giá

Giá gas, giá xăng dầu trong nước tiếp tục tăng, giá lúa gạo trong nước tăng cao, cao hơn nhiều so với giá xuất khẩu, giá học phí của một số trường mầm non tư thục tăng là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2023 tăng 0,49% so với tháng trước, song so với cùng kỳ năm trước giảm 0,46%. Bình quân 9 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 2,98% so với cùng kỳ năm trước.

Trong mức tăng 0,49% của CPI tháng 9/2023 so với tháng trước, có 08 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, 02 nhóm hàng có chỉ số giá giảm và 01 nhóm có chỉ số ổn định, không có biến động. Cụ thể:

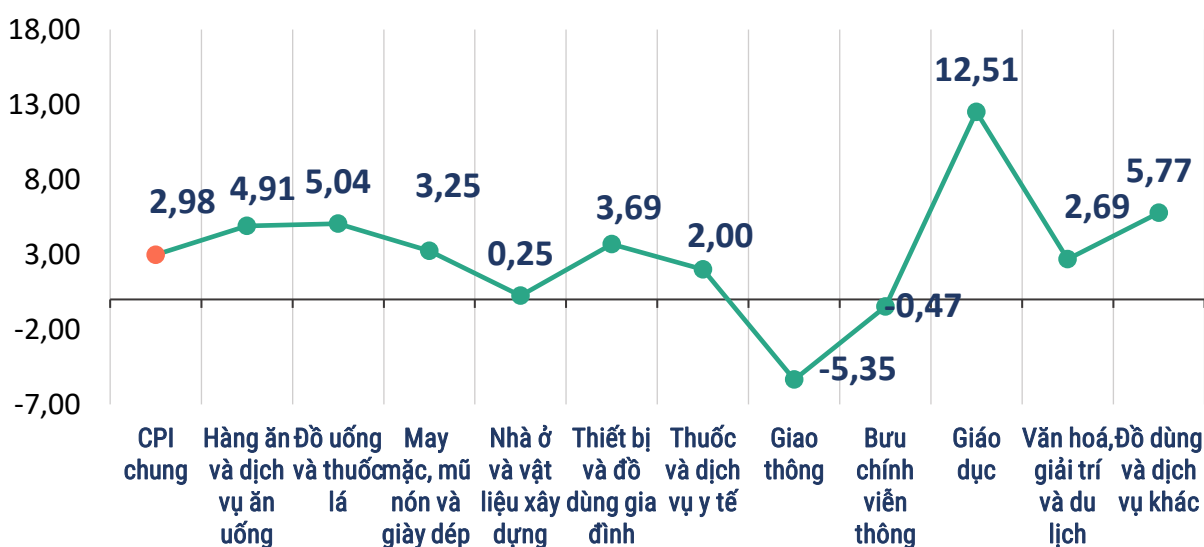
Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng cao nhất với mức tăng 1,92%, tác động làm CPI chung tăng 0,12 điểm phần trăm do một số trường mẫu giáo tư thục cũng điều chỉnh mức thu học phí khiến chỉ số nhóm giáo dục mầm non tăng 6,84%, cùng với đó, giá sách giáo khoa theo chương trình mới tăng 2,21%. Tiếp theo là nhóm giao thông tăng 1,78%, làm CPI chung tăng 0,17 điểm phần trăm do giá xăng trong nước tăng 3,51%, dầu diezen tăng 5,96% so với tháng trước. Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,95%, tác động tới CPI tăng 0,14 điểm phần trăm chủ yếu do giá gas trong tháng tăng 9,30%, giá dầu hỏa tăng 8,12% và giá điện sinh hoạt tăng 1,90%. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,40%, tác động làm CPI chung tăng 0,13 điểm phần trăm. Trong đó, tăng cao nhất ở chỉ số nhóm lương thực, tăng 2,49%, tác động tăng 0,09 điểm phần trăm; nhóm thực phẩm tăng 0,19%, tác động tăng 0,04 điểm phần trăm. Nguyên nhân là do năng suất lúa năm 2023 giảm, nhu cầu mua tích trữ của người dân đầu vụ tăng, cùng với đó lượng gạo xuất khẩu tăng đã đẩy giá thóc gạo trong nước lên cao, thậm chí có thời điểm giá gạo trong nước cao hơn so với giá xuất khẩu. Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,32%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,21%,...

Ở chiều ngược lại, nhóm may mặc, mũ nón và giày dép giảm 1,49% đã tác động tới CPI chung của nhóm giảm 1,29% do các cửa hàng đều đồng loạt giảm giá, bán thanh lý hàng hè thu hồi vốn để chuẩn bị cho việc nhập hàng thu đông sắp tới. Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác giảm nhẹ 0,01%.

Bình quân 9 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 2,98% so với cùng kỳ. Đóng góp lớn nhất vào mức tăng của CPI là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,91% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI tăng 1,64 điểm phần trăm do các giá mặt hàng lương thực, thực phẩm tăng mạnh; việc điều chỉnh mức học phí tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh bắt đầu từ năm học 2022-2023 làm chỉ số giá của nhóm nhóm giáo dục tăng 18,90% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI tăng 1,22 điểm phần trăm do; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 3,25% tác động tới CPI chung tăng 0,23 điểm phần trăm; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 5,77% tác động làm CPI chung tăng 0,21 điểm phần trăm. Các nhóm còn lại cũng ghi nhận mức tăng như: Nhóm đồ uống và thuốc lá, tăng 5,04%; Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 3,69%; Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,69%; Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,25%.

Bên cạnh đó, các yếu tố làm giảm CPI trong 9 tháng đầu năm: Nhóm giao thông giảm 5,35%, tác động làm CPI giảm 0,50% do giá nhiên liệu trong nước giảm 13,09% so với cùng kỳ năm trước theo biến động của giá Thế giới (xăng giảm 14,88%, dầu diesel giảm 14,38%). Tính từ đầu năm đến nay đã có 27 lần điều chỉnh giá xăng trong đó có 15 lần điều chỉnh tăng giá và 11 lần điều chỉnh giảm giá và 01 lần giữ nguyên. Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,47% do giá điện thoại thế hệ cũ và máy tính bảng giảm, tác động làm CPI giảm 0,02 điểm phần trăm.

Tốc độ tăng/ giảm Chỉ số giá bình quân 9 tháng đầu năm 2023 (%)



Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ: Tháng 9/2023, chỉ số giá vàng tăng 0,74% so với tháng trước, tăng 5,06% so với tháng 12/2022 và tăng 7,97% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 9 tháng đầu năm 2023 giá vàng tăng 1,49%. Chỉ số giá đô la Mỹ tăng 1,82% so với tháng trước; giảm 1,19% so với tháng 12/2022; tăng 2,38% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 9 tháng đầu năm 2023 giá USD tăng 1,10%.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Chín tháng đầu năm 2023, tỉnh Vĩnh Phúc phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện có nhiều khó khăn, thách thức. Song, với sự quyết tâm cao độ của toàn Đảng bộ, chính quyền, người dân và doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh ổn định, tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu phục hồi tích cực, các chế độ, chính sách, an sinh xã hội được bảo đảm, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

1. Lao động, việc làm, bảo đảm an sinh xã hội

Lao động việc làm: Thị trường lao động phục hồi tốt, cân đối cung cầu lao động được bảo đảm. Ước tính 9 tháng đầu năm, lực lượng lao động 15 tuổi trở lên có việc làm 588.941 người tăng 1,22% so cùng kỳ (Quý III/2023 tăng 0,6% so quý II/2023 và tăng 1,36% so với quý III/2022). Trong đó, thành thị có 165.955 người, tăng 10,99%; nông thôn có 414.986 người, giảm 2,69%. Toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho trên 15.000 lao động, bằng 93,75% so với kế hoạch. Trong đó: nông nghiệp: 2.519 người; công nghiệp, xây dựng 7.981 người; thương mại dịch vụ: 4.499 người.

Công tác giảm nghèo, an sinh xã hội: Các chính sách giảm nghèo và hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo của tỉnh được triển khai đồng bộ, kịp thời cùng với sự động viên của các đơn vị, doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, qua đó giúp người nghèo ổn định cuộc sống. Kết quả cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách tính đến đầu tháng 9/2023 là 105.012 khách hàng với tổng dư nợ trên 4.184,2 tỷ đồng; cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP là 504 hộ, tổng dư nợ 207,1 tỷ đồng. Sở Lao động Thương binh và Xã hội phối hợp với UBND các huyện, thành phố triển khai các hoạt động thăm hỏi, tặng quà các đối tượng hộ nghèo, bảo trợ xã hội nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 (tổng số 3.618 hộ nghèo, 1.716 hộ cận nghèo BTXH, kinh phí thực hiện 3.466 triệu đồng); cấp 8.700 giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo ngay từ đầu năm giúp hộ nghèo được hưởng chính sách kịp thời. Cấp 29.246 thẻ BHYT cho người nghèo, cận nghèo.

Công tác bảo trợ xã hội tiếp tục được chú trọng thực hiện. Toàn tỉnh hiện có hơn 43.000 người hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng; 410 đối

tượng được chăm sóc tại các cơ sở bảo trợ xã hội (trong đó bao gồm cả đối tượng theo Đề án tự nguyện tại Trung tâm Công tác xã hội và đối tượng theo Đề án mở rộng tiêu chí tiếp nhận tại Trung tâm Nuôi dưỡng và phục hồi chức năng người tâm thần). Năm 2023, toàn tỉnh có 18.118 người cao tuổi được chúc thọ, mừng thọ theo Kế hoạch số 139/KH-SLĐTBXH ngày 30/11/2022 về việc Chúc thọ, mừng thọ và tặng quà cho người cao tuổi trên địa bàn tỉnh nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.

Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em luôn được quan tâm, chia sẻ. Chương trình hành động vì trẻ em Vĩnh Phúc năm 2023 đang được các địa phương tích cực triển khai thực hiện. Các kế hoạch phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em, chống bạo lực, xâm hại trẻ em... được ban hành và triển khai sâu rộng. Trong dịp Tết Trung thu, UBND tỉnh đã ban hành công văn, chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị liên quan và các địa phương đẩy mạnh tuyên truyền các hoạt động tổ chức Tết Trung thu cho trẻ; vận động nguồn lực nhằm quan tâm, thăm hỏi, động viên, hỗ trợ, tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn, trẻ em thuộc hộ nghèo, trẻ em khuyết tật,...

Thực hiện chính sách ưu đãi người có công: Các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn” được lan tỏa, rộng khắp; công tác chăm sóc đời sống người có công với cách mạng được tỉnh Vĩnh phúc thực hiện chu đáo, trang trọng, đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách theo quy định. Kết quả đã trao tặng: trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão giá trị các phần quà trao tặng 71.555 suất quà đến các đối tượng với số tiền là 38.268,6 triệu đồng; trong dịp 27/7 là hơn 21,436 tỷ đồng được trao cho 51.965 lượt đối tượng.

2. Giáo dục, đào tạo

Năm học 2022-2023, ngành GDĐT Vĩnh Phúc đã thực hiện tốt công tác rà soát, quy hoạch phân bổ, sắp xếp mạng lưới, quy mô trường lớp các cơ sở giáo dục. Thực hiện tốt việc bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên. Công tác phân luồng học sinh sau THCS và THPT đạt kết quả tốt, chất lượng công tác giảng dạy của giáo viên; đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tiếp tục được trang bị đồng bộ, theo hướng chuẩn hóa, đảm bảo yêu cầu phục vụ cho công tác dạy - học đạt chất lượng cao. Chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao, đứng top đầu cả nước về thành tích học sinh giỏi quốc gia, cụ thể:

Tại kỳ chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2022-2023, Vĩnh Phúc có 79 học sinh đoạt giải, gồm: 5 giải Nhất, 20 giải Nhì, 23 giải Ba, 31 giải Khuyến khích, tăng

17 giải so với năm học 2021-2022, đứng thứ 2 cả nước về tỷ lệ học sinh đạt giải. Đặc biệt, có 1 học sinh dự thi Olympic Quốc tế môn Sinh học đạt Huy chương Đồng. Trong kỳ thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp quốc gia, tỉnh Vĩnh Phúc đạt giải Nhì. Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, Vĩnh Phúc đứng đầu cả nước về điểm trung bình tất cả môn thi tốt nghiệp THPT với 7,219 điểm, tăng một bậc so với năm 2022; đứng thứ 5 cả nước về số điểm 10.

Công tác đào tạo nghề: Công tác đào tạo nghề thường xuyên được tỉnh Vĩnh Phúc coi trọng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh. Tính đến ngày 15/9/2023, các đơn vị đào tạo nghề tuyển mới được 14.166 người, trong đó trình độ cao đẳng 1.334 người, trung cấp 3.051 người, sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng 9.781 người (đạt 55,5% Kế hoạch năm 2023; đạt 70,3% so với cùng kỳ năm 2022). Hiện nay, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục tuyên truyền và tuyển sinh các đợt tiếp theo.

3. Y tế

Công tác phòng bệnh và khám chữa bệnh cho Nhân dân: Công tác phòng bệnh và khám chữa bệnh cho Nhân dân thường xuyên được chú trọng, theo dõi và giám sát chặt chẽ. Tuy một số bệnh truyền nhiễm như: Cúm, Tiêu chảy, Thủy đậu... xảy ra rải rác ở một số địa phương, Ngành Y tế đã khẩn trương tập trung khoanh vùng và điều trị kịp thời cho người bệnh, không để tình trạng bùng phát dịch bệnh xảy ra; đồng thời, tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân thường xuyên vệ sinh môi trường, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch theo quy định. Công tác y tế cộng đồng được thực hiện giám sát chặt chẽ nên các trường hợp phát sinh đều được khoanh vùng, điều trị nhanh gọn. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị các đơn vị đã được quan tâm mua sắm, đầu tư xây mới, cải tạo, sửa chữa. Đặc biệt, Bệnh viện Đa khoa tỉnh đã chính thức đi vào hoạt động với cơ sở vật chất hiện đại đã góp phần nâng cao chất lượng phục vụ của ngành y tế.

Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục được đẩy mạnh, triển khai đồng bộ hiệu quả thông qua các hoạt động truyền thông, giáo dục, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm. Hoạt động thanh tra, kiểm tra liên ngành được bảo đảm theo đúng quy định tại các cơ sở sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu dùng thực phẩm. Đến nay không có trường hợp nào ngộ độc thực phẩm. Từ đầu năm đến nay, ngành Y tế và UBND các cấp đã thanh, kiểm tra, giám sát 2945 cơ sở với 2127 tổng mẫu thực phẩm xét nghiệm, có 12 cơ sở bị xử lý.

Công tác phòng chống HIV/AIDS: Ngành Y tế thực hiện tốt công tác tư vấn, chăm sóc, điều trị người nhiễm HIV và bệnh nhân AIDS tại tất cả cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh. Tính đến cuối tháng 8/2023: Lũy tích có 4.851 người

nhiễm HIV (trong đó số người nhiễm HIV có hộ khẩu tại tỉnh là 2.284 người), lũy tích số người chuyển AIDS là 2.332 người, lũy tích số người tử vong do AIDS là 1.105 người, số người nhiễm HIV hiện còn sống có hộ khẩu tại tỉnh là 1.379 người. Số bệnh nhân đang nhận thuốc điều trị ARV là 1.153 bệnh nhân (trong đó có 22 trẻ em).

4. Văn hóa, thể thao

Hoạt động văn hóa: Chín tháng đầu năm 2023, tỉnh Vĩnh Phúc đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa vui chơi, giải trí, biểu diễn nghệ thuật, thông tin tập trung vào tuyên truyền cổ động trực quan, thông tin lưu động và phát sóng trên hệ thống truyền thanh, truyền hình về những thành tựu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, những ngày lễ, Tết, sự kiện lớn của dân tộc, của tỉnh. Tỉnh đã tổ chức thành công Hội diễn Nghệ thuật quần chúng toàn quốc Ca khúc cách mạng với chủ đề “Tự hào giai điệu Tổ quốc” với sự tham gia của 28 đoàn nghệ thuật, trong đó Vĩnh Phúc giành huy chương vàng toàn đoàn; Tổ chức sôi động các hoạt động chào mừng kỷ niệm 60 năm Ngày Bác Hồ về thăm tỉnh Vĩnh Phúc và Mừng Đảng - Mừng Xuân Quý Mão 2023; Kỷ niệm 48 năm ngày giải phóng hoàn toàn miền nam thống nhất đất nước) và 137 năm Ngày Quốc tế Lao động ; 133 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; 76 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ; 78 năm Ngày Cách mạng tháng Tám thành công và Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam...

Nhân dịp kỷ niệm 78 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh ngày 2/9, tỉnh Vĩnh Phúc đã khánh thành sáu Khu Thiết chế văn hóa, thể thao Làng văn hóa kiểu mẫu đầu tiên. Từ nay đến cuối năm 2030, tỉnh đã đặt ra xây dựng ít nhất 60 Làng văn hóa kiểu mẫu với mục tiêu đưa Vĩnh Phúc thành một địa phương đáng sống, phát triển đồng bộ và bền vững trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường và quốc phòng - an ninh.

Hoạt động thể dục thể thao: Từ đầu năm đến nay, ngành chức năng của tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động thể dục thể thao nhằm nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân trên địa bàn, phong trào tập luyện và thi đấu các môn thể thao ngày càng phát triển rộng khắp, thu hút được số lượng lớn quần chúng. Chất lượng đào tạo vận động viên thể thao từng bước được nâng lên, thành tích trong thi đấu thể thao được cải thiện, trong đó đoàn thể thao của tỉnh có 8 vận động viên tham dự Seagames 32 và giành được 4 huy chương vàng, 2 huy chương đồng; Tại giải vô địch Pencak silat quốc gia (từ ngày 01/9 - 11/9/2023) do Cục Thể dục - Thể thao phối hợp với Sở VH-TT&DL tỉnh Lâm Đồng tổ chức chính thức diễn ra với sự góp mặt của 300 vận động viên đến từ 26 tỉnh, thành, ngành trên phạm vi

cả nước, tỉnh Vĩnh Phúc có 9 vận động viên tham gia và giành được 04 huy chương, gồm 02 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Bạc và 01 Huy chương Đồng.

Trong 9 tháng đầu năm 2023, tỉnh Vĩnh Phúc cũng chuẩn bị tốt các điều kiện và đã tổ chức thành công một số giải thi đấu lớn: Tổ chức giải bóng chuyền nữ Châu Á cúp VTVcap từ ngày 25/4/2023 đến ngày 02/5/2023; Tổ chức Lễ phát động môn Bơi phòng chống đuối nước và triển khai Chương trình bơi an toàn phòng chống đuối nước trẻ em năm 2023; Tổ chức khai mạc Giải vô địch Cúp các câu lạc bộ bóng chuyền hơi tỉnh Vĩnh Phúc năm 2023 với sự tham gia của 51 đội thuộc các CLB thể dục thể thao đến từ các huyện, thành phố, các sở, ngành, đoàn thể trong tỉnh; Liên đoàn Bóng chuyền Việt Nam phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Phúc tổ chức Giải bóng chuyền nữ 4 nước Đông Nam Á: Thái Lan, Việt Nam, Indonesia và Philippines.

5. Tình hình trật tự an toàn xã hội và tai nạn giao thông

Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh tiếp tục được duy trì ổn định. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được ngành Công an của tỉnh triển khai đồng bộ với nhiều phương án nghiệp vụ để đối phó, trấn áp các loại tội phạm. Cùng với đó, các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn xã hội cũng được xử lý kịp thời, không để xảy ra tình trạng nghiêm trọng. Tính đến ngày 14/9/2023, toàn tỉnh xảy ra 393 vụ vi phạm trật tự an toàn xã hội, làm 176 người bị thương, 04 người chết thiệt hại tài sản 66,6 tỷ đồng, đã điều tra làm rõ 364 vụ, với 782 đối tượng bị bắt giữ, thu hồi tài sản trị giá 13,5 tỷ đồng.

Tình hình tai nạn giao thông: Công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông được tăng cường, tập trung xử lý các hành vi vi phạm. Từ đầu năm đến nay, các lực lượng chức năng trong tỉnh đã mở nhiều đợt cao điểm huy động tối đa lực lượng; tăng cường công tác xử phạt nguội qua hình ảnh vi phạm về trật tự an toàn giao thông đối với người điều khiển phương tiện tham gia giao thông; đẩy mạnh tuần tra kiểm soát, xử lý nghiêm các vụ tụ tập, đua xe trái phép, chống người thi hành công vụ. Trong tháng Chín, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 14 vụ tai nạn giao thông, làm 08 người chết, 12 người bị thương. So với tháng trước tăng 11 vụ, số người chết tăng 07 người, số người bị thương tăng 05 người. 9 tháng đầu năm, xảy ra 31 vụ, làm 21 người chết và 33 người bị thương, so với cùng kỳ, số vụ tai nạn tăng 06 vụ, số người chết tăng 03 người, số người bị thương tăng 20 người

6. Tình hình cháy nổ, bảo vệ môi trường và thiên tai

Tình hình cháy, nổ: Để tăng cường đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy (PCCC), Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ,

đồng thời phối hợp với các cấp, ngành triển khai nhiều biện pháp nhằm nâng cao ý thức phòng chống cháy, nổ trong toàn dân; tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức PCCC cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện quy định của pháp luật về PCCC,... Từ đầu năm đến nay, tỉnh Vĩnh Phúc xảy ra 15 vụ cháy, ước giá trị thiệt hại 1.875 triệu đồng; so với cùng kỳ năm trước tăng 01 vụ.

Công tác bảo vệ môi trường: Chín tháng đầu năm 2023, trên địa bàn tỉnh đã phát hiện và xử lý 253 vụ, số tiền đã xử phạt trên 2.623,5 triệu đồng. So với lũy kế cùng kỳ năm trước số vụ vi phạm môi trường phát hiện giảm 06 vụ, số vụ đã xử lý tăng 18 vụ và số tiền xử phạt tăng 286,7 triệu đồng.

Tình hình thiên tai: Chín tháng đầu năm 2023, tỉnh Vĩnh Phúc đã xảy ra 06 vụ thiên tai. So với số lũy kế cùng kỳ năm trước, số vụ thiên tai tăng 02 vụ. Ngay sau khi xảy ra thiên tai, chính quyền các cấp đã đến trực tiếp kiểm tra tình hình, rà soát, khắc phục thiệt hại tại hiện trường. Đồng thời, hướng dẫn bà con nông dân khôi phục sản xuất và xử lý các tình huống phát sinh tại địa phương; tăng cường tuyên truyền, cảnh báo và hướng dẫn người dân biện pháp phòng tránh các tình huống thiên tai có thể xảy ra trong năm, hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra./.

Nơi nhận :

- Vụ TH -TCTK;
- Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh;
- Một số Sở, ngành của tỉnh;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Phong